

KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ LẠI HÈ NĂM HỌC 2024-2025
KHỐI 10

Lớp 10A5

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Hóa học	Tin học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Mã Minh Phi	53965314	10A5	KT, Đánh giá lại	Tốt	Đạt	Lên lớp	3.8	4.4	5.7	Đ	5.7	5.2	7.0	3.7	6.3	Đ	6.2	Đ

Lớp 10A6

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Hóa học	Tin học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Huỳnh Thái Lộc	53965345	10A6	KT, Đánh giá lại	Đạt	Chưa đạt	Ở lại lớp	2.8	4.6	6.4	Đ	5.0	6.8	5.6	5.3	7.2	Đ	7.9	Đ

Lớp 10A7

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Hóa học	Tin học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Y - Su Yi - Niê	53965405	10A7	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.5	2.6	6.0	Đ	5.4	5.1	4.4	3.3	5.6	Đ	6.6	Đ

Lớp 10A8

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Sinh học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	H - Dulin Adrong	53965428	10A8	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.5	6.0	Đ	4.7	5.4	4.9	5.1	5.0	5.9	Đ	7.4	Đ

2	Nguyễn Hữu Thái Bảo	53965424	10A8	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	2.8	6.2	Đ	4.5	5.8	5.9	6.5	5.0	5.7	Đ	6.4	Đ
3	Y- Nghễ - Êban	53965442	10A8	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	2.3	6.0	Đ	5.3	4.3	5.5	5.4	4.8	5.9	Đ	7.6	Đ
4	Nông Đại Lâm	53965433	10A8	KT, Đánh giá lại	Đạt	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.8	5.3	Đ	V	2.5	3.3	5.7	4.4	5.4	Đ	6.6	Đ
5	Triệu Văn Nguyên	53965444	10A8	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	V	5.7	Đ	4.5	5.3	5.2	5.6	4.8	6.1	Đ	7.5	Đ
6	Lục Quang Tiệp	53965457	10A8	KT, Đánh giá lại	Đạt	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.0	5.2	Đ	V	1.8	3.8	5.5	4.0	6.1	Đ	5.9	Đ

Lớp 10A9

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Sinh học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HDTN, HN
1	Y - Khing Jũ Adrong	53965471	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	4.6	5.8	Đ	5.0	5.3	4.9	5.5	1.5	6.4	Đ	7.4	Đ
2	Tạ Thiên Gia Bảo	52332374	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Đạt	Lên lớp	6.5	5.5	Đ	3.5	5.3	5.0	5.7	3.7	6.2	Đ	5.4	Đ
3	H' Quý - Hdok	53965490	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	5.0	6.2	Đ	5.4	V	4.5	4.7	3.8	7.1	Đ	7.1	Đ
4	Y - Thiên - Kbuôr	53965493	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	2.0	5.2	Đ	2.3	3.5	4.8	3.7	3.6	6.9	Đ	7.5	Đ
5	Ngô Văn Nghĩa	53965479	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.3	5.2	Đ	5.5	5.3	5.0	5.4	2.5	6.7	Đ	7.0	Đ
6	Long Văn Thái	52332647	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	3.6	5.8	Đ	3.5	5.8	5.6	5.8	3.3	6.1	Đ	6.7	Đ
7	Hoàng Quốc Tuấn	53965497	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.3	5.1	Đ	4.1	3.4	4.7	5.3	6.5	5.7	Đ	6.8	Đ
8	Nông Thế Vinh	52332729	10A9	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	3.9	7.0	Đ	5.1	6.4	4.3	6.1	V	6.6	Đ	6.9	Đ

Lớp 10A10

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Sinh học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HDTN, HN
1	Phan Hữu Đức Anh	53965124	10A10	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	2.8	5.2	Đ	5.0	5.9	5.8	5.9	4.8	6.2	Đ	7.1	Đ

2	Sầm Thái Huy	53965133	10A10	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.0	5.0	Đ	4.5	7.1	6.1	6.3	4.6	7.0	Đ	6.7	Đ
3	Lương Ngọc Khoa	53965135	10A10	KT, Đánh giá lại	Đạt	Chưa đạt	Ở lại lớp	V	4.5	Đ	4.0	6.3	V	5.2	3.6	5.6	Đ	7.1	Đ
4	Trần Công Minh	52332536	10A10	KT, Đánh giá lại	Đạt	Đạt	Lên lớp	4.6	3.5	Đ	4.4	6.3	6.0	6.6	7.8	6.0	Đ	7.1	CD
5	Diệp Tử Phi	53965145	10A10	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	4.4	V	Đ	4.8	6.5	5.1	6.4	4.6	5.9	Đ	7.8	Đ
6	Lộc Vĩnh Phúc	52332614	10A10	KT, Đánh giá lại	Khá	Đạt	Lên lớp	3.9	4.3	Đ	5.2	5.3	4.4	6.0	5.0	6.5	Đ	6.9	Đ
7	Hoàng Nguyễn Bảo Thiên	53965151	10A10	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	3.0	4.4	Đ	5.4	6.2	5.5	5.6	4.5	5.7	Đ	7.6	Đ
8	Hoàng Thị Thanh Trúc	53965156	10A10	KT, Đánh giá lại	Đạt	Chưa đạt	Ở lại lớp	2.5	4.5	Đ	5.5	3.1	3.1	5.5	3.6	5.7	Đ	7.3	Đ
9	Lục Duy Trung	52332704	10A10	KT, Đánh giá lại	Đạt	Đạt	Lên lớp	6.5	3.6	Đ	4.1	5.9	5.4	6.1	7.8	5.8	Đ	7.6	Đ
10	Võ Thị Tường Vy	53965162	10A10	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	1.5	3.7	Đ	6.2	6.4	5.0	5.6	4.8	6.3	Đ	7.6	Đ

KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ LẠI HÈ NĂM HỌC 2024-2025
KHỐI 11

Lớp 11B2

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Tin học	GDD P	Ngữ Văn	Lịch sử	Tiếng Anh	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Vũ Thành Luân	52332529	11B2	KT, Đánh giá lại	Khá	Đạt	Lên lớp	5.4	5.0	6.9	6.0	5.7	Đ	6.0	7.0	6.7	Đ	6.8	Đ

Lớp 11B6

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Sinh học	GDĐP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Hoàng Ngọc Bảo Châm	52332383	11B6	KT, Đánh giá lại	Khá	Chưa đạt	Ở lại lớp	4.1	4.5	Đ	5.0	6.0	3.5	5.0	4.5	7.2	Đ	6.4	Đ
2	Phan Phi Hoàng	52332465	11B6	KT, Đánh giá lại	Đạt	Đạt	Lên lớp	4.6	7.3	Đ	3.7	5.2	8.5	5.0	4.4	6.0	Đ	6.5	Đ
3	Đoàn Quốc Huy	52332477	11B6	KT, Đánh giá lại	Đạt	Đạt	Lên lớp	4.5	5.0	Đ	4.2	5.7	5.2	7.3	4.0	5.6	Đ	7.6	Đ

4	Nguyễn Chí Tài	52332639	11B6	KT, Đánh giá lại	Khá	Đạt	Lên lớp	5.3	5.9	Đ	4.5	7.5	4.7	6.8	4.2	6.1	Đ	8.1	Đ
5	Nông Minh Vũ	52332732	11B6	KT, Đánh giá lại	Đạt	Đạt	Lên lớp	5.0	5.1	Đ	4.2	5.7	4.7	5.1	5.5	6.3	Đ	6.6	Đ

Lớp 11B7

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Sinh học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Bế Quốc Khánh	52332491	11B8	KT, Đánh giá lại	Tốt	Chưa đạt	Ở lại lớp	3.0	4.1	Đ	5.2	5.0	5.2	5.6	4.2	6.4	Đ	7.6	Đ
2	Hoàng Triệu Minh	48573328	11B8	KT, Đánh giá lại	Tốt	Đạt	Lên lớp	3.9	4.2	Đ	5.9	7.4	5.2	6.1	4.7	7.4	Đ	7.3	Đ

Lớp 11B8

STT	Họ và tên	Mã học sinh	Lớp	Loại	Kết quả đánh giá lại			Kết quả môn học											
					Rèn luyện	Học tập	Thuộc diện	Toán	Sinh học	GDDP	Ngữ Văn	Lịch sử	Địa lí	GD KT&PL	Tiếng Anh	Công Nghệ	GDTC	GDQP AN	HĐTN, HN
1	Triệu Quang Vinh	52332728	11B7	KT, Đánh giá lại	Tốt	Đạt	Lên lớp	4.2	4.7	Đ	5.3	5.1	7.3	5.2	3.9	5.9	Đ	6.2	Đ

Tổng số học sinh kiểm tra, đánh giá lại khối 10: 27. Trong đó: Được lên lớp sau kiểm tra, đánh giá lại: 05, Ở lại lớp sau kiểm tra, đánh giá lại: 22.

Tổng số học sinh kiểm tra, đánh giá lại khối 11: 09. Trong đó: Được lên lớp sau kiểm tra, đánh giá lại: 07, Ở lại lớp sau kiểm tra, đánh giá lại: 02.

NGƯỜI LẬP

Vũ Quang Hùng

Vũ Quang Hùng

NGƯỜI KIỂM TRA

Nguyễn Công Triều

Nguyễn Công Triều



Lê Văn Nhất